



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

Cơ bản

mina

sina

tema
mees

tôi

bạn

anh ấy

tema
naine

see
koer

meie

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

teie

nemad

mis

các bạn

họ

cái gì

kes

kus

miks

ai

ở đâu

tại sao

kuidas

làm sao

milline

cái nào

millal

lúc nào

siis

sau đó

kui

nếu

tõesti

thật sự

aga

nhưng

sest

bởi vì

mitte

không

see
siin

này

see
seal

đó

kõik
üldine

tất cả

võĩ
lause

hoặc

ja

và

siin

đây

seal

đó

vasak

trái

parem

phải

nüüd

bây giờ

pärastlõuna

buổi chiều

hommik
9:00-11:00

buổi sáng

öö

ban đêm

hommik
6:00-9:00

buổi sáng

õhtu

buổi tối

keskpäev

buổi trưa

kesköö

nửa đêm

tund

giờ

minut

phút

sekund

giây

päev

ngày

nädal

tuần

kuu
aeg

tháng

aasta

năm

eile

hôm qua

täna

hôm nay

homme

ngày mai

esmaspäev

thứ hai

teisipäev

thứ ba

kolmapäev

thứ tư

neljapäev

thứ năm

reede

thứ sáu

laupäev

thứ bảy

pühapäev

chủ nhật

naine
üldine

đàn bà

mees
üldine

đàn ông

armastus

tình yêu

poiss-sõber

bạn trai

tüdruksõber

bạn gái

sõber

bạn

suudlus

hôn

seks

tình dục

laps

trẻ em

tüdruk

con gái

poiss

con trai

emme

mẹ

issi

ba

ema

má

isa

cha

vanemad

cha mẹ

poeg

con trai

tütar

con gái

väike õde

em gái

väike vend

em trai

suur õde

chị gái

suur vend

anh trai

mees
pulmad

chồng

naine
pulmad

vợ

iga

mỗi / mọi

alati

luôn luôn

tegelikult

thực ra

jälle

lần nữa

juba

đã

vähem

ít hơn

enim

phần lớn

rohkem

nhiều hơn

mitte ükski

không có

väga

rất

väljas

ở ngoài

sees

ở trong

kaugel

xa

lähedal

gần

all

bên dưới

üleval

bên trên

kõrval

bên cạnh

ees

phía trước

taga

phía sau

kõik
inimesed

mọi người

koos

cùng nhau

muu

khác

kevad

mùa xuân

suvi

mùa hè

sügis

mùa thu

talv

mùa đông

jaanuar

tháng một

veebuar

tháng hai

märts

tháng ba

april

tháng tư

mai

tháng năm

juuni

tháng sáu

juuli

tháng bảy

august

tháng tám

september

tháng chín

oktoober

tháng mười

november

tháng mười một

detsember

tháng mười hai

põhi

bắc

ida

đông

lõuna

nam

lääs

tây

sageli

thường xuyên

kohe

ngay lập tức

äkki

đột ngột

kuigi

mặc dù

Số

null

0

üks

1

kaks

2

kolm

3

neli

4

viis

5

kuus

6

seitse

7

kaheksa

8

üheksa

9

kümme

10

üksteist

11

kaksteist

12

kolmteist

13

neliteist

14

viisteist

15

kuusteist

16

seitseteist

17

kaheksateist

18

üheksateist

19

kakskümmend

20

kakskümmend üks

21

kakskümmend kaks

22

kakskümmend kuus

26

kolmkümmend

30

kolmkümmend üks

31

kolmkümmend kolm

33

kolmkümmend seitse

37

nelikümmend

40

nelikümmend üks

41

nelikümmend neli

44

nelikümmend kaheksa

48

viiskümmend

50

viiskümmend üks

51

viiskümmend viis

55

viiskümmend üheksa

59

kuuskümmend

60

kuuskümmend üks

61

kuuskümmend kaks

62

kuuskümmend kuus

66

seitsekümmend

70

seitsekümmend üks

71

seitsekümmend kolm

73

seitsekümmend seitse

77

kaheksakümmend

80

kaheksakümmend üks

81

kaheksakümmend neli

84

kaheksakümmend kaheksa

88

üheksakümmend

90

üheksakümmend üks

91

üheksakümmend viis

95

üheksakümmend üheksa

99

sada

100

sada üks

101

sada viis

105

sada kümme

110

sada viiskümmend üks

151

kakssada

200

kakssada kaks

202

kakssada kuus

206

kakssada kakskümmend

220

kakssada kuuskümmend
kaks

262

kolmsada

300

kolmsada kolm

303

kolmsada seitse

307

kolmsada kolmkümmend

330

kolmsada seitsekümmend
kolm

373

nelisada

400

nelisada neli

404

nelisada kaheksa

408

nelisada nelikümmend

440

nelisada kaheksakümmend
neli

484

viissada

500

viissada viis

505

viissada üheksa

509

viissada viiskümmend

550

viissada üheksakümmend
viis

595

kuussada

600

kuussada üks

601

kuussada kuus

606

kuussada kuusteist

616

kuussada kuuskümmend

660

seitsesada

700

seitsesada kaks

702

seitsesada seitse

707

seitsesada kakskümmend
seitse

727

seitsesada seitsekümmend

770

kaheksasada

800

kaheksasada kolm

803

kaheksasada kaheksa

808

kaheksasada kolmkümmend
kaheksa

838

kaheksasada
kaheksakümmend

880

üheksasada

900

üheksasada neli

904

üheksasada üheksa

909

üheksasada nelikümmend
üheksa

949

üheksasada
üheksakümmend

990

tuhat

1000

tuhat üks

1001

tuhat kaksteist

1012

tuhat kakssada
kolmkümmend neli

1234

kaks tuhat

2000

kaks tuhat kaks

2002

kaks tuhat kakskümmend
kolm

2023

kaks tuhat kolmsada
nelikümmend viis

2345

kolm tuhat

3000

kolm tuhat kolm

3003

neli tuhat

4000

neli tuhat nelikümmend viis

4045

viis tuhat

5000

viis tuhat kuussada
seitsekümmend kaheksa

5678

kuus tuhat

6000

seitse tuhat

7000

seitse tuhat kaheksasada
üheksakümmend

7890

kaheksa tuhat

8000

kaheksa tuhat üheksasada
üks

8901

üheksa tuhat

9000

üheksa tuhat
üheksakümmend

9090

kümme tuhat

10.000

kümme tuhat üks

10.001

kakskümmend tuhat
kakskümmend

20.020

kolmkümmend tuhat
kolmsada

30.300

nelikümmend neli tuhat

44.000

sada tuhat

100.000

viissada tuhat

500.000

miljon

1.000.000

kuus miljonit

6.000.000

kümme miljonit

10.000.000

seitsekümmend miljonit

70.000.000

sada miljonit

100.000.000

kaheksasada miljonit

800.000.000

miljard

1.000.000.000

üheksa miljardit

9.000.000.000

kümme miljardit

10.000.000.000

kakskümmend miljardit

20.000.000.000

sada miljardit

100.000.000.000

kolmsada miljardit

300.000.000.000

triljon

1.000.000.000.000

Động từ

teadma

biết

mõtlema

nghĩ

tulema

đến

panema

đặt

võtma

lấy

leidma

tìm

kuulama

nghe

töötama

làm việc

rääkima

nói chuyện

andma

cho

meeldima

thích

aitama

giúp đỡ

armastama

yêu

helistama

gọi

ootama

chờ đợi

seisma

đứng

istuma

ngồi

sulgema

đóng

avama
uks

mở

kaotama

thua

võitma

thắng

surema

chết

elama

sống

sisse lülitama

bật

välja lülitama

tắt

tapma

giết

vigastama

làm bị thương

puudutama

chạm

vaatama

xem

jooma

uống

sööma

ăn

kõndima

đi bộ

kohtuma

gặp

kihla vedama

đặt cược

suudlema

hôn

järgima

đi theo

abielluma

cười

vastama

trả lời

küsimä

hỏi

tõmbama

kéo

suruma

đẩy

vajutama

ấn

lööma
käsi

đánh

püüdma

bắt

võitlema

chiến đấu

viskama

ném

jooksma

chạy

lugema

đọc

kirjutama

viết

parandama

sửa chữa

loendama

đếm

lõikama

cắt

müüma

bán

ostma

mua

maksma

trả

õppima

học

unistama

mơ

magama

ngủ

mängima

chơi

tähistama

ăn mừng

nautima

thương thức

puhastama

dọn dẹp

tulistama

bắn

kaitsma

bảo vệ

ründama

tấn công

varastama

trộm

põletama

đốt

päästma

cứu

lendama

bay

sülitama

khắc nhỏ

lööma
jalalaba

đá

hammustama

cắn

hingama

thở

nuusutama

người

nutma

khóc

laulma

hát

naeratama

cười mỉm

naerma

cười

kasvama

lớn lên

kahanema

co lại

vaidlema

tranh luận

jagama

chia sẻ

toitma

cho ăn

peitma

trốn

hoiatama

cảnh báo

ujuma

bơi

hüppama

nhảy

tõstma

nâng

kaevama

đào

tarnima

giao hàng

otsima

tìm kiếm

harjutama

luyện tập

reisima

đi du lịch

värvima

vẽ

avama
lukk

mở

lukustama

khóa

pesema

rửa

palvetama

cầu nguyện

sũũa tegema

nấu ăn

oksendama

nôn

karjuma

la hét

tsiteerima

trích dẫn

printima

in

arvutama

tính toán

teenima

kiếm tiền

Tính từ

uus

mới

vana
üldine

cũ

vähe

ít

palju

nhiều

vale

sai

õige

chính xác

halb

xấu

hea

tốt

õnnelik

hạnh phúc

lühike
üldine

ngắn

pikk
üldine

dài

väike

nhỏ

suur

lớn

ilus

xinh đẹp

noor

trẻ

vana
inimene

già

valge

màu trắng

must

màu đen

punane

màu đỏ

sinine

màu xanh da trời

roheline

màu xanh lá cây

kollane

màu vàng

aeglane

chậm

kiire

nhanh

naljakas

vui vẻ

ebaõiglane

không công bằng

õiglane

công bằng

keeruline

khó

lihtne

dễ

rikas

giàu

vaene

nghèo

tugev

khỏe

nõrk

yếu

ohutu

an toàn

väsinud

mệt mỏi

uhke

tự hào

täis
toit

no bụng

haige

bệnh

terve

khỏe mạnh

vihane

tức giận

madal
diagramm

thấp

kõrge

cao

magus

ngọt

hapu

chua

pehme

mềm

kõva

cứng

armas

đáng yêu

rumal

ngu ngốc

hull

điên khùng

hõivatud

bận rộn

pikk
inimene

cao

lühike
inimene

thấp

murelik

lo lắng

üllatunud

ngạc nhiên

hästi käituv

cư xử tốt

kuri

ác độc

nutikas

khéo léo

külm

lạnh

kuum

nóng

oranž

màu cam

hall

màu xám

pruun

màu nâu

roosa

màu hồng

igav

nhàm chán

raske

nặng

kerge

nhẹ

üksildane

cô đơn

näljane

đói bụng

janune

khát nước

kurb

buồn

järsk

đốc

lame

bằng phẳng

kitsas

hẹp

lai

rộng

sügav

sâu

madal
järv

nông

hiigelsuur

lớn

määrdunud

bẩn

puhas

sạch sẽ

täis
üldine

đầy

tühi

trống rỗng

kallis

đắt

odav

rẻ

seksikas

quyến rũ

laisk

lười biếng

vapper

đứng cảm

helde

hào phóng

märg

ướt

kuiv

khô

vali

ồn ào

vaikne

yên tĩnh

päikeseline

nắng

vihmane

nhiều mưa

udune

sương mù

pilvine

nhiều mây

Thể thao

võimlemine

thể dục dụng cụ

tennis

quần vợt

jooksmine

chạy

jalgrattasõit

đạp xe

golf

đánh golf

jalgpall

bóng đá

korvpall

bóng rổ

ujumine

bơi lội

sukeldumine

lặn

matkamine

đi bộ đường dài

maraton

chạy marathon

triathlon

ba môn phối hợp

lauatennis

bóng bàn

tõstesport

cử tạ

poks

quyền anh

sulgpall

cầu lông

iluuisutamine

trượt băng nghệ thuật

lumelauasõit

trượt ván tuyết

suusatamine

trượt tuyết

murdmaasuusatamine

trượt tuyết băng đồng

jäähoki

khúc côn cầu trên băng

võrkpall

bóng chuyền

käsipall

bóng ném

rannavõrkpall

bóng chuyền bãi biển

ragbi

bóng rugby

kriket

bóng gậy

pesapall

bóng chày

ameerika jalgpall

bóng bầu dục Mỹ

veepall

bóng nước

vettehüpped

nhảy cầu

surfamine

lướt sóng

purjetamine

đua thuyền buồm

sõudmine

chèo thuyền

jooga

yoga

tantsimine

khiêu vũ

langevarjuhüpped

nhảy dù

male

pokker

keegel

cờ vua

đánh bài poker

bowling

ballett

múa ba lê

Động vật

siga

con lợn

lehm

con bò

hobune

con ngựa

koer

con chó

lammas

con cừu

ahv

con khỉ

kass

con mèo

karu

con gấu

kana

con gà

part

con vịt

liblikas

con bướm

mesilane

con ong

kala
loom

con cá

ämblik

con nhện

madu

con rắn

tiiger

con hổ

hiir
loom

con chuột

jänes

con thỏ

lõvi

con sư tử

eesel

con lừa

elevant

con voi

tuvi

con chim bồ câu

putukas
lutikas

con bọ

sääsk

con muỗi

kärbes

con ruồi

sipelgas

con kiến

vaal

con cá voi

hai

con cá mập

delfin

con cá heo

tigu

con ốc sên

konn

con ếch

panda

con gấu trúc

jääkaru

con gấu Bắc cực

hunt

con chó sói

koaala

con gấu túi

känguru

con chuột túi

kaelkirjak

con hươu cao cổ

rebane

con cáo

jõehobu

con hà mã

nahkhiir

con dơi

ronk

con quạ

luik

con thiên nga

kajakas

con chim hải âu

öökull

con cú

pingviin

con chim cánh cụt

papagoi

con vẹt

röövik

con sâu bướm

kiil

con chuẩn chuẩn

kalmaar

con mực ống

kaheksajalg

con bạch tuộc

merihobuke

con cá ngựa

hüljes

con hải cẩu

meduus

con sứa

krabi

con cua

dinosaurus

con khủng long

kilpkonn

con rùa cạn

krokodill

con cá sấu

Quốc gia

Euroopa

Châu Âu

Aasia

Châu Á

Ameerika

Châu Mỹ

Aafrika

Châu Phi

Suurbritannia

Vương quốc Anh

Hispaania

Tây Ban Nha

Šveits

Thụy sĩ

Itaalia

Ý

Prantsusmaa

Pháp

Saksamaa

Đức

Tai

Thái Lan

Singapur

Singapore

Venemaa

Jaapan

Iisrael

Nga

Nhật Bản

Israel

India

Hiina

Ameerika Ühendriigid

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mehhiko

Kanada

Tšiili

Mexico

Canada

Chile

Brasiilia

Argentina

Lõuna-Aafrika

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Nigeria

Maroko

Ma Rốc

Liibüa

Libya

Keenia

Kenya

Alžeeria

Algeria

Egiptus

Ai Cập

Uus-Meremaa

New Zealand

Austraalia

Úc

Cơ thể

pea

đầu

nina

mũi

juuksed

tóc

suu

miệng

kõrv

tai

silm

mắt

käsi

bàn tay

jalalaba

bàn chân

süda

tim

aju

não

kael

cổ

tagumik

mông

õlg

vai

põlv

đầu gối

jalg

chân

käsivars

tay

kõht

bụng

rind

ngực

selg

lưng

hammas

răng

keel

lưỡi

huul

môi

sõrm

ngón tay

varvas

ngón chân

magu

dạ dày

kops

phổi

maks
organ

gan

närv

dây thần kinh

neer

thận

sool
keha

ruột

laup

trán

lõug

cằm

põsk

má

habe

râu

põial

ngón cái

väike sõrm

ngón tay út

sõrmusesõrm

ngón tay đeo nhẫn

keskmine sõrm

ngón tay giữa

nimetissõrm

ngón tay trỏ

sõrmeküüs

móng tay

kand

gót chân

selgroog

xương sống

lihas

cơ bắp

luu
keha

xương

skelett

bộ xương

roie

xương sườn

selgroolüli

đốt sống

põis

bàng quang

veen

tĩnh mạch

arter

động mạch

tupp

âm đạo

sperma

tinh trùng

peenis

dương vật

munand

tinh hoàn

Ngôi nhà

uks

cửa

köök

nhà bếp

vannituba

phòng tắm

elutuba

phòng khách

magamistuba

phòng ngủ

aed

vườn

garaaž

gara

sein

tường

kelder

tầng hầm

tualett
kodu

nhà vệ sinh

trepp

cầu thang

katus

mái nhà

aken
hoone

cửa sổ

nuga

dao

tass
kuum

tách

klaas

ly

taldrik

đĩa

tass
külm

cốc

prügikast

thùng rác

kauss

tô

kirjutuslaud

bàn

voodi

giường

peegel

gương

dušš

vòi hoa sen

diivan

ghế sofa

pilt

ảnh

kell

đồng hồ

laud

bàn

tool

ghế

naaber

hàng xóm

lift

thang máy

rõdu

ban công

pööning

gác xép

korsten

ống khói

puulusikas

muỗng gỗ

söögipulgad

đũa

söögiriistad

bộ dao nĩa

lusikas

muỗng

kahvel

nĩa

kulp

cái vá

pott

nồi

pann

chảo

lambipirn

bóng đèn

raamaturiul

giá sách

kardin

rèm

madrats

nệm

padi

gối

tekk

chăn

riiul

kệ

sahtel

ngăn kéo

riidekapp

tủ quần áo

ämbler

xô

luud

chổi

kaal

cái cân

pesukorv

giỏ đựng đồ giặt

vann

bồn tắm

saunalina

khăn tắm

seep

xà phòng

tualettpaber

giấy vệ sinh

rätik

khăn tắm

kraanikauss

bồn rửa mặt

redel

cái thang

postkast

hộp thư

tara

hàng rào

Thức ăn

muna

trứng

juust

phô mai

piim

sữa

kala
toit

cá

liha

thịt

luu
toit

xương

õli

dầu

leib

bánh mì

suhkur

đường

šokolaad

sô cô la

komm

kẹo

kook

bánh bông lan

vesi

nước

kohv

cà phê

tee
jook

trà

õlu

bia

vein

rượu nho

salat

sa lát

supp

súp

magustoit

món tráng miệng

hommikusöök

bữa ăn sáng

lõunasöök

bữa trưa

õhtusöök

bữa tối

pitsa

pizza

jäätis

kem

või
toit

bơ

jogurt

sữa chua

tuunikala

cá ngừ

lõhe

cá hồi

sink

giảm bông

peekon

thịt ba rọi

vorst

xúc xích

kalkuniliha

thịt gà tây

kanaliha

thịt gà

veiseliha

thịt bò

sealiha

thịt heo

lambaliha

thịt cừu

kõrvits

bí ngô

seen

nấm

trühvel

nấm cục

küüslauk

tỏi

porrulauk

tỏi tây

ingver

gừng

baklažaan

cà tím

bataat

khoai lang

porgand

cà rốt

kurk

dưa chuột

tšilli

ớt

paprika

ớt chuông

sibul

củ hành

kartul

khoai tây

lillkapsas

bông cải trắng

kapsas

bắp cải

brokoli

bông cải xanh

aedsalat

xà lách

spinat

rau chân vịt

bambus
toit

tre

mais

ngô

seller

cần tây

hernes

đậu Hà Lan

uba

hạt đậu

pirn

quả lê

õun

quả táo

oliiv

quả ô liu

viigimari

quả sung

dattel

quả chà là

kookospähkel

quả dừa

mandel

quả hạnh nhân

sarapuupähkel

hạt phỉ

maapähkel

đậu phộng

banaan

quả chuối

mango

quả xoài

kiivi

quả kiwi

avokaado

quả bơ

ananass

quả dứa

arbuus

dưa hấu

viinamari

quả nho

melon

dưa gang

vaarikas

quả mâm xôi

mustikas

quả việt quất

maasikas

quả dâu tây

kirss

quả anh đào

ploom

quả mận

aprikoos

quả mơ

virsik

quả đào

sidrun

quả chanh

greip

quả bưởi

apelsin

quả cam

tomat

cà chua

piparmünt

bạc hà

sidrunhein

sả

kaneel

quế

vanill

vani

sool
toit

muối

pipar

tiêu

karri

cà ri

tubakas

thuốc lá

tofu

đậu hũ

äädikas

giấm

nuudel

mì sợi

sojapiim

sữa đậu nành

jahu

bột mì

riis

gạo

kaer

yến mạch

nisu

lúa mì

soja

đậu nành

pähkel

hạt

mesi

mật ong

moos

mút

närimiskumm

kẹo cao su

pannkook

bánh kếp

küpsis

bánh quy

puding

bánh pudding

muffin

bánh muffin

sõõrik

bánh rán vòng

energiajook

nước tăng lực

apelsinimahl

nước cam

õunamahl

nước táo

piimakokteil

sữa lắc

koka

coca cola

kakao

sô cô la nóng

kokteil

rượu cocktail

rumm

rượu rum

viski

rượu whisky

viin

rượu vodka

menüü

thực đơn

mereannid

hải sản

spagetid

mì Ý

sushi

sushi

popkorn

bắp rang bơ

krõpsud

khoai tây lát mỏng

kanatiivad

cánh gà

friikartulid

khoai tây chiên

sinep

mù tạt

majonees

sốt mayonnaise

ketšup

nước sốt cà chua

võileib

bánh mì kẹp

hot dog

bánh mì kẹp xúc xích

burger

bánh burger

Trường học

raamat

sách

raamatukogu

thư viện

kodutöö

bài tập về nhà

eksam

bài thi

koolitund

bài học

teadus

khoa học

ajalugu

lịch sử

kunst

nghệ thuật

pastakas

cây bút

pliiats

bút chì

esimene

thứ nhất

teine

thứ hai

kolmas

thứ ba

neljas

thứ tư

uurimustöö

ngiên cứu

kraad

bằng cấp

spordiväljak

sân thể thao

sõnaraamat

từ điển

semester

học kì

märkmik

sổ tay

geomeetria

hình học

poliitika

chính trị học

filosoofia

triết học

majandus

kinh tế học

kehaline kasvatus

giáo dục thể chất

bioloogia

sinh học

matemaatika

toán học

geograafia

địa lý

kirjandus

văn học

keemia

hóa học

füüsika

vật lý

joonlaud

cái thước

kustutuskumm

cục tẩy

käärid

cái kéo

kleепlint

băng dính

liim

keo dán

pastapliats

bút bi

kirjaklamber

kẹp giấy

kolm protsenti

3%

sada protsenti

100%

null protsenti

0%

kuupmeeter

mét khối

ruutmeeter

mét vuông

miil

dặm

meeter

mét

millimeeter

mi-li-mét

sentimeeter

xen-ti-mét

detsimeeter

đề-xi-mét

liitmine

phép cộng

lahutamine

phép trừ

korrutamine

phép nhân

jagamine

phép chia

pindala

diện tích

ruumala

thể tích

ristkülik

hình chữ nhật

ruut

hình vuông

kolmnurk

tam giác

ring

hình tròn

liiter

lít

milliliiter

mililít

tonn

kilogramm

gramm

tấn

kilôgam

gram

magnet

mikroskoop

lehter

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

laboratorium

loeng

phòng thí nghiệm

bài giảng

Thiên nhiên

tuhk

tro

tuli

lửa

teemant

kim cương

kuu
universum

mặt trăng

päike

mặt trời

täht
universum

ngôi sao

planeet

hành tinh

rannik

bờ biển

järv

hồ

mets

rừng

kõrb

sa mạc

mägi
väike

đồi núi

kivi
suur

đá

jõgi

con sông

org

thung lũng

mägi
suur

núi

saar

đảo

ookean

đại dương

meri

biển

jää

băng

lumi

tuyết

torm

bão táp

vihm

mưa

tuul

gió

puu

cây

rohi

cỏ

roos

hoa hồng

lill

hoa

metall

kim loại

muld

đất

laava

dung nham

kivisüsi

than

liiv

cát

savi

đất sét

rakett

tên lửa

satelliit

vệ tinh

galaktika

thiên hà

asteroid

tiểu hành tinh

maailmajagu

lục địa

ekvaator

đường Xích đạo

lõunapoolus

Nam cực

põhjapoolus

Bắc cực

oja

suối

vihmamets

rừng nhiệt đới

koobas

hang

juga

thác nước

kallas

bờ biển

liustik

sông băng

maavärin

động đất

kraater

miệng núi lửa

vulkaan

núi lửa

atmosfäär

khí quyển

üleujutus

lũ lụt

udu

sương mù

vikerkäär

cầu vồng

kõu

tiếng sấm

väik

tia chớp

äikesetorm

cơn dông

temperatuur

nhiệt độ

taifuun

bão nhiệt đới

orkaan

bão

pilv

mây

oks

cành cây

leht

lá cây

juur

rễ cây

tüvi

thân cây

seeme

hạt giống

plast

nhựa

süsinikdioksiid

cacbon đioxit

aatom

nguyên tử

raud

sắt

hapnik

ôxy

kuld

hõbe

vàng

bạc

Giao thông

auto

xe hơi

buss

xe buýt

rong

xe lửa

raudteejaam

ga xe lửa

bussipeatus

trạm dừng xe buýt

lennuk

máy bay

laev

tàu

veoauto

xe tải

jalgratas

xe đạp

mootorratas

xe mô tô

takso

xe taxi

valgusfoor

đèn giao thông

autoparkla

bãi đậu xe

tee
auto

đường

aku

ắc quy

mootor
auto

động cơ

turvapadi

túi khí

rool

vô-lăng

turvavöö

dây an toàn

rehv

lốp xe

pakiruum

cốp sau

piletimasin

máy bán vé

piletikassa

phòng bán vé

metroo

tàu điện ngầm

kiirrong

tàu cao tốc

vedur

đầu máy

tramm

xe điện

koolibuss

xe buýt trường học

väikebuss

xe buýt nhỏ

lennujaam

sân bay

lennuliin

hãng hàng không

helikopter

máy bay trực thăng

esimene klass

hạng nhất

turistiklassis

hạng phổ thông

äriklass

hạng thương gia

päästevest

áo phao

konteiner

công ten nơ

allveelaev

tàu ngầm

kruisilaev

tàu du lịch

konteinerlaev

tàu chở hàng

jaht

du thuyền

praam

phà

sadam

hải cảng

päästepaat

xuồng cứu sinh

radar

ra đa

tänavavalgustus

đèn đường

kõnnitee

vĩa hè

bensiinjaam

trạm xăng

ehitusplats

công trường

üleikäigurada

vạch qua đường

liiklusummik

tắc đường

maantee

đường cao tốc

tank

xe tăng

ekskavaator

máy xúc

traktor

máy kéo

järelhaagis

rơ-moóc

motoroller

xe tay ga

kõistee vagun

xe cáp treo

Thành phố

haigla

bệnh viện

kool

trường học

maja

nhà ở

arve

hóa đơn

turg

chợ

supermarket

siêu thị

korter

căn hộ

ülikool

trường đại học

talu

nông trại

kirik

nhà thờ

restoran

nhà hàng

baar

quán bar

jõusaal

phòng thể dục

park

công viên

tualett
üldine

nhà vệ sinh

kaart

bản đồ

kiirabi

xe cứu thương

politsei

cảnh sát

tuletõrjad

lính cứu hỏa

riik

quốc gia

äärelinn

ngoại ô

küla

ngôi làng

garantii

bảo hành

kaubanduskeskus

trung tâm mua sắm

apteek

tiệm thuốc

pilvelõhkuja

tòa nhà chọc trời

loss

lâu đài

saatkond

đại sứ quán

sünagoog

giáo đường Do Thái

tempel

ngôi đền

vabrik

nhà máy

mošee

nhà thờ Hồi giáo

raekoda

tòa thị chính

postkontor

bưu điện

purskkaev

đài phun nước

ööklubi

câu lạc bộ đêm

pargipink

băng ghế

golfiväljak

sân golf

jalgpallistaadion

sân bóng đá

bassein
hoone

hồ bơi

tenniseväljak

sân quần vợt

turistiinfo

thông tin du lịch

kasiino

sòng bạc

kunstigalerii

phòng triển lãm nghệ thuật

muuseum

bảo tàng

rahvuspark

công viên quốc gia

suveniir

quà lưu niệm

akvaarium

thủy cung

veeliumägi

trượt nước

ameerika mäed

tàu lượn siêu tốc

veepark

công viên nước

loomaaed

vườn bách thú

mänguväljak

sân chơi

avariiväljapääs
hoone

cửa thoát hiểm

tulekahjualarm

chuông báo cháy

tulekustuti

bình cứu hỏa

politseijaoskond

đồn cảnh sát

osariik

tiểu bang

regioon

khu vực

pealinn

thủ đô

Bệnh viện

õnnetus

tai nạn

patsient

bệnh nhân

operatsioon

phẫu thuật

tablett

viên thuốc

palavik

sốt

köha

ho

traumapunkt

phòng cấp cứu

intensiivravi osakond

khoa hồi sức tích cực

ooteruum

phòng chờ

aspiriin

thuốc aspirin

unerohi

thuốc ngủ

aegumiskuupäev

ngày hết hạn

doos

liều lượng

kõhasiirup

si-rô ho

kõrvaltoime

tác dụng phụ

insuliin

insulin

pulber

bột

kapsel

viên nhộng

vitamiin

vitamin

valuvaigisti

thuốc giảm đau

antibiootikumid

kháng sinh

bakter

vi khuẩn

viirus

vi rút

südamerabandus

đau tim

kõhulahtisus

tiêu chảy

diabeet

tiểu đường

insult

đột quỵ

astma

hen suyễn

vähkasvaja

ung thư

gripp

cúm

hambavalu

đau răng

päikesepõletus

cháy nắng

kurguvalu

viêm họng

kõhuvalu

đau bụng

infektsioon

nhiễm trùng

allergia

dị ứng

kramp

chuột rút

peavalu

đau đầu

süstal

ống tiêm

kark

nặng

röntgenpilt

chụp X quang

ultrahelimasin

máy siêu âm

plaaster

bó bột

ratastool

xe lăn

kips

bó bột

pulss

mạch

vigastus

chấn thương

hädaolukord

cấp cứu

põrutus

chấn động

põletus

vết bỏng

luumurd

gãy xương

antibeebipillid

thuốc tránh thai

rasedustest

thử thai

Nghề nghiệp

arst

bác sĩ

õde

y tá

politseinik

cảnh sát

president

tổng thống

kapten

thuyền trưởng

detektiiv

thám tử

piloot

phi công

professor

giáo sư

õpetaja

giáo viên

advokaat

luật sư

sekretär

thư ký

assistent

trợ lý

kohtunik
kohus

thẩm phán

juhataja

quản lý

kokk

đầu bếp

taksojuht

tài xế taxi

bussijuht

tài xế xe buýt

modell

người mẫu

kunstnik

nghệ sĩ

peaminister

thủ tướng

apteeker

dược sĩ

tuletõrjuja

lính cứu hỏa

hambaarst

nha sĩ

ettevõtja

doanh nhân

poliitik

chính trị gia

programmeerija

lập trình viên

stjuardess

tiếp viên hàng không

teadlane

nhà khoa học

lasteaiaõpetaja

giáo viên mầm non

arhitekt

kiến trúc sư

raamatupidaja

kế toán viên

konsultant

tư vấn viên

prokurör

công tố viên

üldjuht

tổng quản lý

ihukaitsja

vệ sĩ

üürileandja

chủ nhà

ettekandja

bồi bàn

turvamees

nhân viên bảo vệ

sõdur

bộ đội

kalur

ngư dân

koristaja

nhân viên vệ sinh

torumees

thợ sửa ống nước

elektrik

thợ điện

põllumees

nông dân

administraator

lễ tân

postiljon

người đưa thư

kassapidaja

thu ngân

juuksur

thợ làm tóc

autor

tác giả

ajakirjanik

nhà báo

fotograaf

nhiếp ảnh gia

vetelpäästja

nhân viên cứu hộ

laulja

ca sĩ

muusik

nhạc sĩ

näitleja

diễn viên

reporter

phóng viên

treener

huấn luyện viên

kohtunik
sport

trọng tài

Kinh doanh

raha

tiền

kontor

văn phòng

stress

áp lực

kindlustus

bảo hiểm

personal

nhân viên

osakond

bộ phận

palk

lương

aadress

địa chỉ

kiri

lá thư

telefoninumber

số điện thoại

url

url

e-posti aadress

địa chỉ email

veebileht

trang mạng

e-post

thư điện tử

allkiri

chữ ký

kahjum

thua lỗ

kasum

lợi nhuận

klient

khách hàng

summa

số tiền

krediitkaart

thẻ tín dụng

parool

mật khẩu

pangaautomaat

máy rút tiền

maks
raha

thuế

koosolekuruum

phòng họp

visiitkaart

đanh thiệp

IT

công nghệ thông tin

personaliosakond

nhân sự

õigusosakond

bộ phận pháp lý

raamatupidamine

kế toán

turundus

tiếp thị

müük

bán hàng

kolleeg

đồng nghiệp

tööandja

người sử dụng lao động

töötaja

nhân viên

märge

chú thích

esitlus

thuyết trình

kaust
paber

bìa cứng

pitsat

con dấu cao su

projektor

máy chiếu

postipakk

bưu kiện

postmark

con tem

ümbrik

phong bì

brauser

trình duyệt

investeering

đầu tư

aktsiabörs

sàn giao dịch chứng khoán

paberraha

tiền giấy

münt

tiền xu

intress

tiền lãi

laen

khoản vay

konto number

số tài khoản

pangakonto

tài khoản ngân hàng

Thiết bị

telefon

điện thoại

televiisor

bộ tivi

kaamera

máy ảnh

raadio

đài radio

ventilaator

quạt

konditsioneer

máy điều hòa

kohvimasin

máy pha cà phê

röster

máy nướng bánh mì

tolmuimeja

máy hút bụi

föön

máy sấy tóc

veekeetja

ấm đun nước

nõudepesumasin

máy rửa chén

pliit

bếp điện

küpsetusahi

lò nướng

mikrolaineahi

lò vi sóng

külmik

tủ lạnh

pesumasin

máy giặt

pult

điều khiển từ xa

kõrvaklapid

tai nghe

hiir
arvuti

chuột

klaviatuur

bàn phím

kõvaketas

ổ cứng

mälupulk

thanh USB

skanner

máy quét

printer

máy in

ekraan
arvuti

màn hình

sülearvuti

máy tính xách tay

robot

rô bốt

valjuhääldi

loa

